

Số: *415*/QĐ-ĐHPY

Phú Yên, ngày *12* tháng *9* năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Chương trình đào tạo ngành Chăn nuôi (Chuyên ngành : Chăn nuôi - Thú y) trình độ cao đẳng, hệ chính quy, khóa đào tạo 2019-2022**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÚ YÊN**

Căn cứ Quyết định số 112/QĐ-TTg ngày 24 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Phú Yên;

Căn cứ Quyết định số 751/QĐ-UBND, ngày 12 tháng 4 năm 2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên về việc phân công phụ trách Trường Đại học Phú Yên;

Thông tư số 03/2017/BLĐTBXH ngày 01 tháng 03 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội "Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng".

Căn cứ Quyết định số 480/QĐ-ĐHPY ngày 05 tháng 9 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phú Yên Quy định về việc ban hành Quy chế học vụ trình độ cao đẳng hệ chính quy ngoài sự phạm theo hệ thống tín chỉ;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo và Trưởng khoa Khoa Nông nghiệp Trường Đại học Phú Yên;

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo ngành *Chăn nuôi (Chuyên ngành : Chăn nuôi - Thú y) (Mã số: 6620105)* trình độ cao đẳng, hệ chính quy, khóa đào tạo 2019-2022.

**Điều 2.** Căn cứ chương trình đào tạo, các khoa, bộ môn có trách nhiệm tổ chức cho giảng viên xây dựng *chương trình chi tiết các môn học, mô đun* để sử dụng chính thức trong giảng dạy. Chương trình đào tạo được công bố công khai cho sinh viên thuộc ngành đào tạo biết khi bắt đầu khóa học.

**Điều 3.** Các ông (bà) Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng khoa Khoa Nông nghiệp, các phòng, khoa, bộ môn có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *ny*

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Lưu ĐT, VT.



**KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

**TS. Nguyễn Định**

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 415/QĐ-ĐHPY ngày 12 tháng 9 năm 2019  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Phú Yên)

**Tên ngành: CHĂN NUÔI (Animal Husbandry)**  
(Chuyên ngành : Chăn nuôi - Thú y)

**Mã ngành: 6620105**

**Trình độ đào tạo: CAO ĐẲNG**

**Hình thức đào tạo: HỆ CHÍNH QUY**

**Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương**

**Thời gian đào tạo: 3 năm**

### 1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

#### 1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cán bộ khoa học kỹ thuật trình độ Cao đẳng chuyên ngành Chăn nuôi có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, áp dụng được kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp vào các lĩnh vực chăn nuôi, phòng chống dịch bệnh cho gia súc gia cầm; tham gia xây dựng, tổ chức thực hiện được quy trình kỹ thuật chăn nuôi và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật về chăn nuôi, thú y ở địa phương; có ý chí tự lập và năng lực tư duy năng động, sáng tạo; có ý thức tổ chức kỷ luật và tác phong sinh hoạt văn minh; có khả năng ứng dụng nghiên cứu khoa học vào thực tiễn sản xuất, tự tạo việc làm và tiếp tục học liên thông lên đại học để thích nghi với sự phát triển kinh tế, xã hội của địa phương.

#### 1.2. Mục tiêu cụ thể

##### 1.2.1. Về kiến thức

- Hiểu về chủ trương, đường lối của Đảng và pháp luật Nhà nước; Vận dụng các kiến thức cơ bản vào giải quyết những vấn đề lý luận, thực tiễn nghề nghiệp và cuộc sống.
- Vận dụng những kiến thức cơ sở ngành vào công việc chuyên ngành.
- Vận dụng được kiến thức chuyên ngành vào xây dựng quy trình chăn nuôi và chăm sóc vật nuôi; những kiến thức về thú y nhằm tổ chức thực hiện các quy trình phòng, trị bệnh cho vật nuôi.

##### 1.2.2. Về kỹ năng

Đánh giá giống vật nuôi để chọn và nhân giống hiệu quả theo yêu cầu thực tế sản xuất.

Thực hiện thành thạo quy trình chế biến thức ăn, phối hợp khẩu phần ăn, chăm sóc, nuôi dưỡng các đối tượng vật nuôi.

- Lựa chọn các phương pháp để chẩn đoán, phòng và điều trị bệnh vật nuôi; Phối hợp triển khai công tác phòng chống dịch bệnh cho vật nuôi.

- Tổng hợp, phân tích, đánh giá và viết báo cáo về lĩnh vực chăn nuôi, thú y.

- Giao tiếp cơ bản bằng tiếng Anh; Sử dụng được các ứng dụng tin học văn phòng trong quá trình làm việc.

- Làm việc độc lập và hợp tác làm việc theo nhóm một cách linh hoạt, giao tiếp tốt và tác phong công nghiệp.

### 1.2.3. Thái độ

- Tự giác học hỏi để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

- Ứng xử linh hoạt, khách quan đối với các vấn đề liên quan đến lĩnh vực nghề nghiệp.

### 1.3. Vị trí việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp

- Làm việc tại các cơ quan nông nghiệp và các ngành có liên quan như: Các trung tâm/trạm khuyến nông; trung tâm nghiên cứu giống vật nuôi, chi cục thú y, trạm thú y, phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn.

- Làm việc tại các viện nghiên cứu; trường học; phòng thí nghiệm.

- Các công ty tư vấn, chuyển giao công nghệ, thiết kế và xây lắp nông nghiệp, xí nghiệp nông nghiệp, nhà máy chế biến thức ăn và sản xuất thuốc thú y.

- Thiết kế và quản lý trang trại tư nhân.

- Có khả năng tự học, tự nghiên cứu về chuyên ngành chăn nuôi – thú y.

- Tiếp tục học liên thông trình độ đại học thuộc chuyên ngành chăn nuôi, thú y, dược thú y hoặc các chuyên ngành khác trong cùng khối ngành.

## 2. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC VÀ THỜI GIAN KHÓA HỌC:

- Số lượng môn học: 40.

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 96 tín chỉ.

- Khối lượng các môn chung/đại cương: 525 giờ.

- Khối lượng các môn học chuyên môn: 1553 giờ.

- Khối lượng lý thuyết: 732 giờ;

- Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1267 giờ.

- Kiểm tra: 79 giờ.

STT	Cấu trúc kiến thức của chương trình	Tín chỉ	Tổng	Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/TN/ bài tập	Kiểm tra
1	<b>Kiến thức giáo dục đại cương</b>	<b>28</b>	<b>525</b>	<b>153</b>	<b>351</b>	<b>21</b>
2	<b>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>68</b>	<b>1553</b>	<b>579</b>	<b>916</b>	<b>58</b>
2.1	Kiến thức cơ sở	19	364	187	158	19
2.2	Kiến thức ngành	31	619	280	308	31
2.3	Môn học tự chọn	4	60	56	0	4
2.4	Môn học bổ trợ	4	60	56	0	4
2.5	Thực tập chuyên ngành	4	180	0	180	0
2.6	Thực tập tốt nghiệp	6	270	0	270	0
<b>Tổng cộng</b>		<b>96</b>	<b>2078</b>	<b>732</b>	<b>1267</b>	<b>79</b>

### 3. Nội dung chương trình:

STT	Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
				Tổng số	Trong đó		
					Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/TN/ bài tập	Kiểm tra
	<b>I</b>	<b>Kiến thức giáo dục đại cương</b>	<b>28</b>	<b>525</b>	<b>153</b>	<b>351</b>	<b>21</b>
1	LC210153	Giáo dục chính trị 1	3	45	30	12	3
2	LC220172	Giáo dục chính trị 2	2	30	14	14	2
3	LC230142	Pháp luật	2	30	18	10	2
4	NG216163	Tiếng Anh 1	3	45	30	12	3
5	NG216173	Tiếng Anh 2	3	45	30	12	3
6	NG216182	Tiếng Anh 3	2	30	12	16	2
7	KC200063	Tin học đại cương	3	75	15	58	2
8	TC260018	Giáo dục quốc phòng-An ninh	8	165	0	165	0
9	TC250021	Giáo dục thể chất 1	1	30	2	26	2
	<b>Tự chọn: chọn 1/2 tín chỉ</b>		1	30	2	26	2
10	TC252071	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền)	1	30	2	26	2
11	TC252061	Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông)	1	30	2	26	2
	<b>II</b>	<b>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>68</b>	<b>1553</b>	<b>579</b>	<b>916</b>	<b>58</b>
	<b>II.1</b>	<b>Kiến thức cơ sở</b>	<b>19</b>	<b>364</b>	<b>187</b>	<b>158</b>	<b>19*</b>
12	NN230292	Di truyền ứng dụng trong chăn nuôi	2	30	28	0	2
13	NN220032	Giải phẫu gia súc	2	44	14	28	2
14	NN230022	Sinh lý gia súc	2	39	19	18	2
15	NN230212	Vi sinh vật chăn nuôi	2	44	14	28	2
16	NN230042	Dinh dưỡng động vật	2	30	28	0	2
17	NN211024	Dược lý thú y cơ bản	4	74	42	28	4
18	NN220062	Miễn dịch học thú y	2	30	28	0	2
19	NN210053	Phương pháp thí nghiệm trong Chăn nuôi	3	73	14	56	3
	<b>II.2</b>	<b>Học phần chuyên môn nghề</b>	<b>31</b>	<b>619</b>	<b>280</b>	<b>308</b>	<b>31</b>
20	NN230103	Giống vật nuôi và kỹ thuật truyền giống gia súc	3	59	28	28	3
21	NN230052	Vệ sinh chăn nuôi	2	44	14	28	2
22	NN211032	Bệnh lý thú y	2	44	14	28	2
23	NN210083	Thức ăn chăn nuôi	3	59	28	28	3
24	NN230124	Chăn nuôi lợn	4	88	28	56	4
25	NN210104	Chăn nuôi trâu bò	4	88	28	56	4
26	NN200092	Chẩn đoán và dịch tễ học	2	30	28	0	2
27	NN230143	Chăn nuôi gia cầm	3	59	28	28	3
28	NN220392	Bảo quản và chế biến sản phẩm chăn nuôi	2	44	14	28	2
29	NN210273	Quản lý trang trại chăn nuôi	2	30	28	0	2
30	NN211062	Bệnh sản khoa	2	30	28	0	2

31	NN230542	Kỹ thuật chăm sóc thú cưng	2	44	14	28	2
	<b>II.3</b>	<b>Học phần tự chọn (4/8)</b>	<b>4</b>	<b>60</b>	<b>56</b>	<b>0</b>	<b>4</b>
32	LC240492	Luật thú y	2	30	28	0	2
33	NN230162	Chăn nuôi dê, thỏ	2	30	28	0	2
34	NN230172	Chăn nuôi động vật hoang dã	2	30	28	0	2
35	NG216082	Tiếng anh chuyên ngành Chăn nuôi – Thú y	2	30	28	0	2
	<b>II.4</b>	<b>Học phần bổ trợ</b>	<b>4</b>	<b>60</b>	<b>56</b>	<b>0</b>	<b>4</b>
36	NN210182	Thực hành chăn nuôi tốt (GAHP)	2	30	28	0	2
37	KT220602	Marketing nông nghiệp	2	30	28	0	2
	<b>II.5</b>	<b>Thực tập chuyên ngành</b>	<b>4</b>	<b>180</b>	<b>0</b>	<b>180</b>	<b>0</b>
38	NN211082	Thực tập chuyên ngành thú y (2 tuần)	2	90	0	90	0
39	NN210192	Thực tập chuyên ngành chăn nuôi (2 tuần)	2	90	0	90	0
	<b>II.6</b>	<b>Thực tập tốt nghiệp</b>					
<b>40</b>	<b>DT210016</b>	<b>Thực tập tốt nghiệp (9 tuần)</b>	<b>6</b>	<b>270</b>	<b>0</b>	<b>270</b>	
		<b>Tổng cộng</b>	<b>96</b>	<b>2078</b>	<b>732</b>	<b>1267</b>	<b>79</b>

#### 4. Kế hoạch đào tạo

##### 4.1. Học kỳ I: 18 TC (bắt buộc)

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Thời gian học tập				Ghi chú
				Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ Thực tập/ TN/ bài tập	Kiểm tra	
1	LC210153	Giáo dục chính trị 1	3	45	30	12	3	
2	NG216163	Tiếng Anh 1	3	45	30	12	3	
3	KC200063	Tin học đại cương	3	75	15	58	2	
4	TC250021	Giáo dục thể chất 1	1	30	2	26	2	
5	NN220032	Giải phẫu gia súc	2	44	14	28	2	
6	NN230022	Sinh lý gia súc	2	39	19	18	2	
7	NN230212	Vi sinh vật chăn nuôi	2	44	14	28	2	
8	NN220062	Miễn dịch học thú y	2	30	28	0	2	
		<b>Tổng cộng</b>	<b>18</b>	<b>352</b>	<b>152</b>	<b>182</b>	<b>18</b>	

##### 4.2. Học kỳ II: 16 TC (bắt buộc: 15TC, tự chọn: 1 TC)

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Thời gian học tập				Ghi chú
				Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ Thực tập/ TN/ bài tập	Kiểm tra	
		<b>Bắt buộc:</b>	<b>15</b>	<b>253</b>	<b>156</b>	<b>82</b>	<b>15</b>	
1	LC220172	Giáo dục chính trị 2	2	30	14	14	2	
2	NG216173	Tiếng Anh 2	3	45	30	12	3	
3	NN230292	Di truyền ứng dụng trong chăn nuôi	2	30	28	0	2	
4	NN211024	Dược lý thú y cơ bản	4	74	42	28	4	

5	NN211032	Bệnh lý thú y	2	44	14	28	2	
6	NN230042	Dinh dưỡng động vật	2	30	28	0	2	
	<b>Tự chọn:</b>		<b>1</b>	<b>30</b>	<b>2</b>	<b>26</b>	<b>2</b>	
7	TC252071	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền)	1	30	2	26	2	Chọn 1/2 TC
8	TC252061	Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông)	1	30	2	26	2	
<b>Tổng cộng</b>			<b>16</b>	<b>283</b>	<b>158</b>	<b>108</b>	<b>17</b>	

#### 4.3. Học kỳ III: 17 TC (bắt buộc)

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Thời gian học tập				Ghi chú
				Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ Thực tập/TN/ bài tập	Kiểm tra	
1	LC230142	Pháp luật	2	30	18	10	2	
2	NG216182	Tiếng Anh 3	2	30	12	16	2	
3	NN230103	Giống vật nuôi và kỹ thuật truyền giống gia súc	3	59	28	28	3	
4	NN230143	Chăn nuôi gia cầm	3	59	28	28	3	
5	NN230124	Chăn nuôi lợn	4	88	28	56	4	
6	NN210083	Thức ăn chăn nuôi	3	59	28	28	3	
<b>Tổng cộng</b>			<b>17</b>	<b>325</b>	<b>142</b>	<b>166</b>	<b>17</b>	

#### 4.4. Học kỳ IV: 16 TC (bắt buộc: 12 TC; tự chọn: 4 TC)

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Thời gian học tập				Ghi chú
				Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ Thực tập/TN/ bài tập	Kiểm tra	
<b>Bắt buộc:</b>			<b>12</b>	<b>253</b>	<b>28</b>	<b>221</b>	<b>4</b>	
1	TC260018	Giáo dục quốc phòng - An ninh	8	165	0	165	0	
2	NN210104	Chăn nuôi trâu bò	4	88	28	56	4	
<b>Tự chọn:</b>			<b>4</b>	<b>60</b>	<b>56</b>	<b>0</b>	<b>4</b>	
3	LC240492	Luật thú y	2	30	28	0	2	chọn 4/8 TC
4	NN230162	Chăn nuôi dê, thỏ	2	30	28	0	2	
5	NN230172	Chăn nuôi động vật hoang dã	2	30	28	0	2	
6	NG216082	Tiếng anh chuyên ngành Chăn nuôi – Thú y	2	30	28	0	2	
<b>Tổng cộng</b>			<b>16</b>	<b>313</b>	<b>84</b>	<b>221</b>	<b>8</b>	

#### 4.5. Học kỳ V: 15 TC (bắt buộc)

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Thời gian học tập				Ghi chú
				Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ Thực tập/TN/ bài tập	Kiểm tra	
1	NN210053	Phương pháp thí nghiệm trong Chăn nuôi	3	73	14	56	3	
2	NN210273	Quản lý trang trại chăn nuôi	2	30	28	0	2	
3	NN230052	Vệ sinh chăn nuôi	2	44	14	28	2	
4	NN200092	Chẩn đoán và dịch tễ học	2	30	28	0	2	
5	NN230542	Kỹ thuật chăm sóc thú cưng	2	44	14	28	2	
6	NN210192	Thực tập chuyên ngành chăn nuôi	2	90	0	90	0	2 tuần
7	NN211082	Thực tập chuyên ngành thú y	2	90	0	90	0	2 tuần
<b>Tổng cộng</b>			<b>15</b>	<b>401</b>	<b>98</b>	<b>292</b>	<b>11</b>	

#### 4.5. Học kỳ VI: 14 TC (bắt buộc)

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Thời gian học tập				Ghi chú
				Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ Thực tập/TN/ bài tập	Kiểm tra	
1	NN210182	Thực hành chăn nuôi tốt (GAHP)	2	30	28	0	2	
4	NN211062	Bệnh sản khoa	2	30	28	0	2	
2	NN220392	Bảo quản và chế biến sản phẩm chăn nuôi	2	44	14	28	2	
3	KT220602	Marketing nông nghiệp	2	30	28	0	2	
4	DT210016	Thực tập tốt nghiệp	6	270	0	270	0	9 tuần
<b>Tổng cộng</b>			<b>14</b>	<b>404</b>	<b>98</b>	<b>298</b>	<b>8</b>	

### 5. Mô tả tóm tắt nội dung cần đạt được của học phần

#### 5.1. Giáo dục chính trị 1

3 TC

Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về sự hình thành và phát triển của Chủ nghĩa Mác - Lênin, những nguyên lý và quy luật cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, những quy luật cơ bản về sự phát triển xã hội, về chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, sự ra đời và vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam; nội dung tư tưởng, tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, sinh viên học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; về truyền thống yêu nước của dân tộc Việt Nam

#### 5.2. Giáo dục chính trị 2

2 TC

Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản đường lối phát triển kinh tế - xã hội, văn hóa, quốc phòng - an ninh... của Đảng, những thành tựu của Việt Nam trên con đường xây dựng và phát triển đất nước trong giai đoạn hiện nay, hình thành thế

giới quan, nhân sinh quan khoa học và cách mạng cho thế hệ trẻ Việt Nam; góp phần đào tạo người lao động phát triển toàn diện đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

### **5.3. Pháp luật**

**2 TC**

Học phần trang bị cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật như nguồn gốc, bản chất, chức năng, các kiểu và hình thức của nhà nước và pháp luật. Học phần còn đề cập đến các vấn đề về Nhà nước và pháp luật Việt Nam như: tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam; về kết cấu, cách xây dựng và áp dụng quy phạm pháp luật ở Việt Nam; về một số nội dung cơ bản của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

### **5.4. Tiếng Anh 1**

**3 TC**

Học phần Tiếng Anh 1 cung cấp, bổ sung kiến thức căn bản về ngôn ngữ Tiếng Anh; Khái quát, hệ thống các khái niệm, cấu trúc, phạm trù ngữ pháp trong Tiếng Anh; Giới thiệu một số tập quán, phong tục, nét văn hóa trong giao tiếp và lối sống Anh cũng như một số dân tộc khác trên thế giới;

Tiếp tục hình thành, phát triển các kỹ năng giao tiếp cho sinh viên về nghe, nói, đọc, viết; ở đầu trình độ A2 trong đó bao gồm cả phần rèn luyện ngữ âm, ngữ pháp và phát triển vốn từ vựng tương ứng với chuẩn A2 (theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam).

### **5.5. Tiếng Anh 2**

**3 TC**

Học phần Tiếng Anh 2 tiếp tục cung cấp, bổ sung kiến thức căn bản về ngôn ngữ Tiếng Anh; Khái quát, hệ thống các khái niệm, cấu trúc, phạm trù ngữ pháp trong Tiếng Anh; Giới thiệu một số tập quán, phong tục, nét văn hóa trong giao tiếp và lối sống Anh cũng như một số dân tộc khác trên thế giới;

Tiếp tục hình thành, phát triển các kỹ năng giao tiếp cho sinh viên về nghe, nói, đọc, viết; ở giữa trình độ A2 trong đó bao gồm cả phần rèn luyện ngữ âm, ngữ pháp và phát triển vốn từ vựng tương ứng với chuẩn A2 (theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam).

### **5.6. Tiếng Anh 3**

**2 TC**

Học phần Tiếng Anh 3 tiếp tục cung cấp, bổ sung kiến thức căn bản về ngôn ngữ Tiếng Anh; Khái quát, hệ thống các khái niệm, cấu trúc, phạm trù ngữ pháp trong Tiếng Anh; Giới thiệu một số tập quán, phong tục, nét văn hóa trong giao tiếp và lối sống Anh cũng như một số dân tộc khác trên thế giới;

Tiếp tục hình thành, phát triển các kỹ năng giao tiếp cho sinh viên về nghe, nói, đọc, viết; ở cuối trình độ A2 trong đó bao gồm cả phần rèn luyện ngữ âm, ngữ pháp và phát triển vốn từ vựng tương ứng với chuẩn A2 (theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam)



### **5.7. Tin học đại cương**

**3 TC**

Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về:

- Công nghệ thông tin (CNTT) cơ bản: máy tính và mạng máy tính, các ứng dụng của CNTT và truyền thông, các vấn đề an toàn thông tin cơ bản khi làm việc với máy tính.
- Cách sử dụng máy tính cơ bản: các hiểu biết cơ bản để bắt đầu làm việc với máy tính, làm việc với Hệ điều hành, quản lý thư mục và tệp, một số phần mềm tiện ích, sử dụng tiếng Việt, sử dụng máy in.
- Sử dụng Internet cơ bản: giới thiệu mạng máy tính, mạng Internet, một số công cụ tìm kiếm, trình duyệt web, thư điện tử.
- Soạn thảo văn bản bằng phần mềm Microsoft Word; trình bày báo cáo bằng phần mềm Microsoft Powerpoint; nhập liệu và thao tác với bảng tính điện tử, sử dụng các phép toán và các hàm để xử lý số liệu và vẽ đồ thị bằng phần mềm Microsoft Excel.

### **5.8. Giáo dục quốc phòng – an ninh**

**8TC**

Nội dung ban hành kèm theo Thông tư số: 31/2012/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình giáo dục quốc phòng – an ninh.

### **5.9. Giáo dục thể chất 1 (Thể dục - Điền kinh)**

**1 TC**

Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về ý nghĩa, tác dụng và kỹ thuật của môn thể dục phát triển chung, chạy cự ly ngắn, nhảy xa; Hiểu và thực hiện được một số điều luật cơ bản của môn Điền kinh.

### **5.10. Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền)**

**1 TC**

Trang bị cho sinh viên những kiến thức về lịch sử sự ra đời và phát triển môn bóng chuyền; kiến thức, kỹ thuật cơ bản của môn bóng chuyền;

Học phần trang bị cho sinh viên những chiến thuật của môn bóng chuyền; hiểu biết luật bóng chuyền; vận dụng luật vào thi đấu bóng chuyền.

### **5.11. Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông)**

**1 TC**

Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết về ý nghĩa, tác dụng, kỹ thuật của môn cầu lông;

Học phần trang bị cho sinh viên những chiến thuật cơ bản của môn cầu lông; hiểu biết luật cầu lông; vận dụng luật vào thi đấu môn cầu lông.

### **5.12. Di truyền ứng dụng trong chăn nuôi**

**2TC**

Trang bị cho SV kiến thức về Quy luật di truyền các tính trạng số lượng (Quy luật, các thông số thống kê sử dụng trong nghiên cứu tính trạng số lượng). Quy luật biến dị và đột biến. Giao phối cận thân và ưu thế lai (Cách xác định hệ số đồng huyết, mức độ suy hóa cận huyết của tính trạng, cách tính toán và dự đoán ưu thế lai, duy trì ưu thế lai, một số phương pháp lai cơ bản trong chăn nuôi). Di truyền học quần thể (Định luật Hardy-Weinberg, cách tính tần số gen và kiểu gen của các tính trạng và quần thể).

Sau khi học xong người học hiểu được các vấn đề về vật chất di truyền và cơ chế di truyền ở cấp độ phân tử, các quy luật di truyền, biến dị, các phương pháp tạo và duy trì ưu thế lai để ứng dụng vào chuyên ngành chăn nuôi thú y.

### **5.13. Giải phẫu gia súc**

**2TC**

Cung cấp cho SV kiến thức về vị trí và cấu trúc cơ thể gia súc, cấu trúc vi thể tế bào, mô và giải phẫu các hệ cơ quan trong cơ thể (Thần kinh, tiêu hóa, tuần hoàn, hô hấp, bài tiết, sinh dục, nội tiết, thụ quan); Liên hệ với gia cầm. Thực hành giải phẫu các cơ quan, tổ chức của gia súc.

Sau khi học xong, người học xác định được vị trí, nhận biết được hình dạng và hiểu được cấu tạo của các cơ quan, bộ máy trong cơ thể gia súc bình thường, khỏe mạnh. Sự hiểu biết về các vấn đề trên làm cơ sở cho SV tiếp thu tốt kiến thức về sinh lý, bệnh lý, chẩn đoán và điều trị bệnh cho vật nuôi...

### **5.14. Sinh lý gia súc**

**2TC**

Cung cấp kiến thức cơ bản về các vấn đề: Sinh lý thần kinh (Hưng phấn-ức chế, sinh lý cơ-thần kinh, nội tiết và stress), sinh lý máu, tim mạch, tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa, hấp thu, bài tiết, sinh sản, tiết sữa, trao đổi chất, trao đổi năng lượng, tập tính động vật (tập tính ăn, sinh sản, bảo vệ...).

Sau khi học xong học phần này, SV hiểu và giải thích được các hiện tượng sinh lý trong đời sống cá thể động vật để ứng dụng vào lĩnh vực chăn nuôi thú y.

### **5.15. Vi sinh vật chăn nuôi**

**2TC**

Trang bị cho SV kiến thức cơ bản về: Cấu tạo của vi sinh vật, phân loại vi sinh vật (Vi khuẩn, nấm men, nấm mốc, tảo, nguyên sinh động vật, virus), sinh lý vi sinh vật (Sự dinh dưỡng, chuyển hóa, phát triển), di truyền vi sinh vật (Sự chuyển thể, chuyển nạp, kháng thuốc). Ảnh hưởng của điều kiện ngoại cảnh đến hoạt động của vi sinh vật. Sự phân bố vi sinh vật trong tự nhiên, các đường truyền nhiễm. Tác hại và lợi ích của vi sinh vật đối với động thực vật và con người. Vấn đề nhiễm trùng và độc lực của vi sinh vật. Kháng nguyên của vi khuẩn, virus. Sự đề kháng của cơ thể chống lại các VSV gây bệnh.

Sau khi học xong học phần này, SV có thể nhận biết được một số loại vi sinh vật chủ yếu qua tiêu bản phòng thí nghiệm, qua xét nghiệm bệnh phẩm. Hiểu được hoạt động gây hại cho người và vật nuôi của vi sinh vật để có biện pháp phòng, trị bệnh thích hợp.

### **5.16. Dinh dưỡng động vật**

**2TC**

Học phần cung cấp những kiến thức cần thiết về khái niệm các thành phần hoá học cơ bản, dinh dưỡng nước, protein, vitamin, khoáng, hydrat cacbon và các chất dinh dưỡng cần thiết cho đời sống vật nuôi.

Các phương pháp đánh giá giá trị dinh dưỡng của các loại thức ăn (phân tích thức ăn, thử mức tiêu hoá, cân bằng N và C); cân bằng năng lượng và một số phương pháp xác định, ước tính giá trị năng lượng của các loại thức ăn.

Sau khi học xong, người học hiểu được cách xác định giá trị dinh dưỡng thức ăn.

### **5.17. Dược lý thú y cơ bản**

**4TC**

Trang bị các kiến thức: Khái niệm về thuốc, sự vận chuyển và hấp thu thuốc trong cơ thể, tác dụng của thuốc, các đường đưa thuốc vào cơ thể, liều lượng và đơn thuốc, sự biến đổi và thải trừ thuốc trong cơ thể.

Sự tác động của thuốc lên hệ thần kinh; hệ tuần hoàn, tiết niệu và chuyển hóa tổ chức; thuốc chữa tiêu chảy, thuốc tẩy.

Sau khi học xong, người học biết cách sử dụng các dụng cụ thú y thông dụng; biết cách lựa chọn và sử dụng các loại thuốc Kháng sinh, Sulfamid, Thuốc sát trùng, thuốc trị ký sinh trùng và nấm, thuốc tác động hệ thần kinh, tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, sinh dục thường dùng trong lĩnh vực chăn nuôi thú y.

### **5.18. Miễn dịch học thú y**

**2TC**

Nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức về: Sự đề kháng tự nhiên của cơ thể động vật; Vai trò chức năng hệ thống miễn dịch của cơ thể; Quá trình đáp ứng miễn dịch trong cơ thể; Cơ chế hoạt động của hệ thống miễn dịch; Các trạng thái miễn dịch của cơ thể; Sự đáp ứng miễn dịch của cơ thể chống vi sinh vật gây bệnh; Ứng dụng của miễn dịch học thú y trong thực tiễn sản xuất và đời sống.

Kết thúc học phần sinh viên biết vận dụng hiểu biết khoa học về miễn dịch trong công tác sử dụng vắc xin và chế phẩm miễn dịch trong phòng, trị bệnh, chẩn đoán bệnh; có khả năng nghiên cứu, chế tạo vắc xin và một số chế phẩm miễn dịch thông dụng sử dụng trong chẩn đoán, phòng, trị bệnh cho động vật.

### **5.19. Phương pháp thí nghiệm chăn nuôi**

**3TC**

Cung cấp cho SV: Phương pháp kiểm định các giả thuyết xác suất và phương pháp so sánh giữa các đám đông, phương pháp phân tích phương sai Anova. Tương quan và hồi qui giữa các tính trạng, xử lý thống kê sinh vật học. Các bước trong nghiên cứu khoa học vật nuôi, phương pháp thí nghiệm chăn nuôi (chia lô, chia thời kỳ, kết hợp, điều tra), các nguyên tắc bố trí thí nghiệm và bố trí các nhân tố thí nghiệm (theo khối ngẫu nhiên hoàn toàn CRD, ngẫu nhiên không hoàn toàn, ô vuông latin). Giúp SV biết cách thức trình bày một đề cương, báo cáo kết quả nghiên cứu chuyên đề, đề tài.

Sau khi học xong, người học có thể thực hiện được một thí nghiệm (tổ chức, theo dõi, thực hiện), xử lý số liệu, phân tích được kết quả và viết được báo cáo thí nghiệm; có khả năng tham gia thực nghiệm theo nhóm có hiệu quả.

### **5.20. Giống vật nuôi và kỹ thuật truyền giống gia súc**

**3TC**

SV được cung cấp kiến thức về: Nguồn gốc và đặc điểm các giống vật nuôi. Phương pháp đánh giá các tính trạng sản xuất của vật nuôi. Sự sinh trưởng, phát dục, các tham số di truyền ứng dụng trong công tác giống vật nuôi. Các tính trạng chọn lọc. Các phương pháp chọn lọc. Các phương pháp phối giống và nhân giống (nhân giống thuần, nhân giống lai).

Sau khi học xong, người học biết cách đánh giá, chọn lọc, phối hợp các giống trong lai tạo để có được con giống tốt phù hợp với từng điều kiện chăn nuôi cụ thể và có khả năng thụ tinh nhân tạo cho gia súc.

#### **5.21. Vệ sinh chăn nuôi**

**2TC**

Học phần này giúp SV nắm vững cơ sở khoa học và thực hành thành thạo các biện pháp: Vệ sinh môi trường không khí và nguồn nước chăn nuôi, vệ sinh môi trường đất và chuồng trại chăn nuôi, vệ sinh thức ăn, thân thể vật nuôi, vệ sinh đối với từng loại gia súc và vệ sinh phòng dịch bệnh, giúp vật nuôi sinh trưởng phát triển tốt và tạo sản phẩm năng suất chất lượng cao.

Sau khi học xong, người học áp dụng được các biện pháp vệ sinh môi trường chăn nuôi để đảm bảo sức khỏe cho vật nuôi và con người.

#### **5.22. Bệnh lý thú y**

**2TC**

Học phần này trang bị cho SV những kiến thức căn bản về nguyên tắc phòng trị và chẩn đoán một số bệnh nội, ngoại, sản khoa, bệnh truyền nhiễm thường gặp ở gia súc, gia cầm.

Sau khi học xong học phần này, người học có khả năng khống chế được gia súc trong khám và điều trị bệnh; sử dụng đúng các dụng cụ khám và thành thạo các thao tác khám bệnh; phòng và trị được các bệnh nội khoa thường xảy ra ở vật nuôi.

#### **5.23. Thức ăn chăn nuôi**

**3TC**

Các hệ thống đánh giá trị dinh dưỡng của thức ăn. Các phương pháp xác định giá trị dinh dưỡng thức ăn. Các loại thức ăn chăn nuôi, độc tố thức ăn.

Biết cách chọn và phối hợp các nguyên liệu làm thức ăn cho vật nuôi; lập được khẩu phần ăn cho vật nuôi; chế biến và bảo quản được một số thực liệu; phòng và xử lý được các bệnh về dinh dưỡng trên vật nuôi.

#### **5.24. Chăn nuôi lợn**

**4TC**

Học phần trang bị cho SV những kiến thức về: Nguồn gốc và đặc điểm một số giống lợn phổ biến. Công tác giống lợn (Chọn lọc, nhân giống, giám định và quản lý giống). Nhu cầu dinh dưỡng và các loại thức ăn cho lợn. Quy hoạch và thiết kế chuồng trại chăn nuôi lợn. Kỹ thuật chăn nuôi lợn đực giống, lợn cái sinh sản (hậu bị, mang thai, đẻ, nuôi con, chờ phối), lợn con và lợn thịt. Phương pháp tổ chức sản xuất chăn nuôi lợn và quản lý đàn lợn. Thực hành chọn giống, phối chế thức ăn và các quy trình chăn nuôi lợn.

Sau khi học xong, người học nhận biết được các giống lợn; thành thạo các khâu trong quy trình nuôi dưỡng, chăm sóc, quản lý và phòng bệnh cho đàn lợn theo quy mô gia đình và trang trại.

#### **5.25. Chăn nuôi trâu bò**

**4TC**

Trang bị cho SV những kiến thức về: Nguồn gốc và đặc điểm các giống trâu, bò phổ biến. Công tác giống trâu bò (Chọn lọc, nhân giống, giám định và quản lý giống).

Đặc điểm tiêu hóa và dinh dưỡng của gia súc nhai lại (Bộ máy tiêu hóa, môi trường dạ cỏ và khu hệ vi sinh vật, tiêu hóa và trao đổi chất trong dạ cỏ, những vấn đề về dinh dưỡng của loài nhai lại). Kỹ thuật chăn nuôi trâu bò đực giống, cái sinh sản (hậu bị, mang thai, đẻ, nuôi con) và bê nghé. Kỹ thuật chăn nuôi trâu bò cho sữa, cho thịt và cày kéo. Phương pháp tổ chức sản xuất chăn nuôi trâu bò và quản lý đàn trâu bò.

Sau khi học xong, người học nhận biết được các giống trâu, bò; thành thạo các khâu trong quy trình nuôi dưỡng, chăm sóc, quản lý và phòng bệnh cho đàn trâu bò theo quy mô gia đình và trang trại.

### **5.26. Chẩn đoán và dịch tễ học**

**2TC**

Môn học phát triển kiến thức và kỹ năng cần thiết để hiểu về sinh thái bệnh trên động vật: bản chất của mầm bệnh, sự lây truyền của bệnh trong quần thể. Bên cạnh đó, môn học còn giúp sinh viên có khả năng đánh giá sự xuất hiện bệnh trong quần thể và tìm hiểu các yếu tố nguy cơ của bệnh, từ đó đưa ra các giải pháp trong việc phòng chống dịch bệnh.

### **5.27. Chăn nuôi gia cầm**

**3TC**

Học phần cung cấp cho SV những kiến thức cơ bản về: Nguồn gốc và đặc điểm các giống gia cầm phổ biến. Công tác giống gia cầm (Chọn lọc, chọn phối, nhân giống, quản lý giống). Đặc điểm sinh học và giải phẫu sinh lý của gia cầm. Trứng và kỹ thuật ấp trứng. Nhu cầu dinh dưỡng và thức ăn cho gia cầm. Kỹ thuật chăn nuôi các loại gia cầm (gà, vịt, ngan, ngỗng, cút, đà điểu). Tổ chức và quản lý chăn nuôi gia cầm.

Sau khi học xong, người học nhận biết được các giống gà, vịt; thành thạo các khâu trong quy trình nuôi dưỡng, chăm sóc, quản lý và phòng bệnh cho đàn gia cầm theo quy mô gia đình và trang trại.

### **5.28. Bảo quản và chế biến sản phẩm chăn nuôi**

**2TC**

Trang bị cho SV những kiến thức về: Tầm quan trọng của công tác bảo quản chế biến sau thu hoạch và mối quan hệ giữa môi trường và các sản phẩm chăn nuôi. Các hiện tượng sinh học xảy ra trong quá trình bảo quản nông sản nói chung và các sản phẩm chăn nuôi nói riêng. Ảnh hưởng của chúng đến chất lượng sản phẩm sau thu hoạch. Đặc điểm, hoạt động gây hại và các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động sống của vi sinh vật trong các sản phẩm chăn nuôi sau thu hoạch. Các phương pháp, công nghệ bảo quản chế biến sản phẩm chăn nuôi hiện nay đang được áp dụng và ứng dụng sau thu hoạch.

### **5.29. Quản lý trang trại trong chăn nuôi**

**2TC**

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về trang trại và giới thiệu về loại hình phát triển trang trại ở các nước trên thế giới và ở Việt Nam. Xây dựng được kế hoạch sản xuất kinh doanh trang trại với quy mô nhỏ. Biết cách quản lý các nguồn lực đất đai, lao động, vật tư, máy móc thiết bị phục vụ sản xuất của trang trại.

Sau khi học xong, người học Hiểu được các khái niệm trang trại, vận hành và quản lý trang trại. Xây dựng được kế hoạch sản xuất kinh doanh trang trại quy mô nhỏ.

### **5.30. Bệnh sản khoa**

**2TC**

Học phần trang bị những kiến thức cơ bản về phương pháp chẩn đoán gia súc có thai, phương pháp đỡ đẻ cho gia súc, nguyên nhân, triệu chứng, tiên lượng và phương pháp điều trị bệnh sản khoa thú y.

Sau khi kết thúc học phần người học được trang bị những thao tác cơ bản trong chẩn đoán gia súc có thai, phương pháp đỡ đẻ cho gia súc, biết áp dụng các phương pháp chẩn đoán và điều trị những bệnh trong thời gian gia súc mang thai, bệnh trong thời gian gia súc đẻ, bệnh trong thời gian gia súc sau đẻ, can thiệp đẻ khó, bệnh ở tuyến vú và hiện tượng không sinh sản ở gia súc, thành thạo các kỹ năng chẩn đoán và điều trị các bệnh sản khoa thú y trong thực tiễn sản xuất.

### **5.31. Kỹ thuật chăm sóc thú cưng**

**2TC**

Các nội dung bao gồm đặc điểm sinh học; Nuôi dưỡng và chăm sóc thú cưng, đặc biệt là chăm sóc về ngoại hình của các thú cưng; Huấn luyện thú cưng theo nếp sinh hoạt của chủ nuôi: nguyên tắc huấn luyện, điều kiện môi trường nơi huấn luyện từ huấn luyện viên đến các dụng cụ trong lúc luyện tập, đến thể chất của thú cưng được huấn luyện, thời gian, phương pháp và nội dung cơ bản trong huấn luyện

### **5.32. Luật Thú y**

**2TC**

Cung cấp cho học viên những kiến thức và hệ thống pháp luật của chuyên ngành Chăn nuôi, Thú y: Những nguyên tắc trong việc phòng bệnh, chữa bệnh, chống dịch bệnh cho vật nuôi. Kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; Kiểm soát giết mổ; Kiểm tra vệ sinh thú y. Quản lý thuốc thú y, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hoá chất dùng trong thú y.

Những nguyên tắc trong việc quản lý giống và vật nuôi. Quản lý thức ăn chăn nuôi, quản lý về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm chăn nuôi, thú y.

### **5.33. Chăn nuôi dê, thỏ**

**2TC**

Trang bị cho SV những kiến thức về: Nguồn gốc và đặc điểm các giống dê, thỏ phổ biến. Công tác giống (Chọn lọc, nhân giống và quản lý). Tập tính và đặc điểm tiêu hóa của dê, thỏ (Bộ máy tiêu hóa, môi trường dạ cỏ và khu hệ vi sinh vật, tiêu hóa và trao đổi chất trong dạ cỏ). Dinh dưỡng và thức ăn cho dê, thỏ. Chuồng trại nuôi dê, thỏ. Kỹ thuật chăn nuôi dê, thỏ sinh sản và cho thịt. Phương pháp tổ chức sản xuất và quản lý trong chăn nuôi dê, thỏ.

Sau khi học xong, người học nhận biết được các giống dê, thỏ; thành thạo các khâu trong quy trình nuôi dưỡng, chăm sóc, quản lý và phòng bệnh cho đàn dê, thỏ theo quy mô gia đình và trang trại.

### **5.34. Chăn nuôi động vật hoang dã**

**2TC**

Trang bị cho SV kiến thức cơ bản về thuần dưỡng, chăm sóc, quản lý, cải tạo một số động vật hoang dã như lợn rừng, nhím, nai,...

Sau khi học xong, người học nhận biết được một số giống động vật hoang dã; thành thạo các khâu trong quy trình nuôi dưỡng, chăm sóc, quản lý và phòng bệnh cho chúng theo quy mô gia đình và trang trại.

**5.35. Tiếng Anh chuyên ngành chăn nuôi thú y** **2TC**

Cung cấp cho sinh viên từ vựng và các cấu trúc câu thường gặp trong các tài liệu chuyên ngành chăn nuôi thú y. Sinh viên có thể đọc hiểu, tóm tắt các tài liệu chuyên ngành liên quan đến lĩnh vực chăn nuôi thú y.

Sau khi học xong, sinh viên có thể vận dụng kiến thức vào đọc hiểu các văn bản, dịch tóm tắt các tài liệu trong lĩnh vực chuyên ngành chăn nuôi thú y.

**5.36. Thực hành chăn nuôi (GAHP)** **2TC**

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về môi nguy và nhận diện các mối nguy an toàn thực phẩm, cách thức gây ô nhiễm và các biện pháp an toàn sinh học.

Sau khi học xong, sinh viên có thể áp dụng những giải pháp để loại trừ hoặc giảm thiểu các mối nguy.

**5.37. Marketing nông nghiệp** **2TC**

Học phần sẽ cung cấp cho người học những kiến thức căn bản về marketing nông nghiệp trong bối cảnh nền kinh tế đã và đang trong quá trình hội nhập với kinh tế thế giới. Cụ thể, học phần sẽ nghiên cứu một số nội dung chủ yếu sau: Thị trường trong kinh doanh nông nghiệp, môi trường Marketing kinh doanh nông nghiệp, các chính sách về sản phẩm, giá cả, phân phối, và xúc tiến trong kinh doanh nông nghiệp.

**5.38. Thực tập chuyên ngành thú y** **2TC**

Giúp sinh viên học hỏi, tích lũy kinh nghiệm thực tế tại các đại lý, cửa hàng, công ty kinh doanh thuốc thú y về: cách tổ chức, sắp xếp, quản lý, mua bán thuốc, vaccine và công tác tiếp thị thuốc. Thực hành sử dụng các loại dụng cụ thú y thông dụng và các loại thuốc và vaccine phòng trị bệnh cho vật nuôi ở một số cơ sở chăn nuôi trong tỉnh. Tổ chức, thực hiện các đợt tiêm phòng; tham gia các công tác điều trị bệnh cho gia súc gia cầm cùng với thú y viên tại cơ sở.

**5.39. Thực tập chuyên ngành chăn nuôi** **2TC**

Tổ chức cho sinh viên thâm nhập thực tế sản xuất chăn nuôi ở địa phương để tìm hiểu về giống, thức ăn, phương thức chăn nuôi và tình hình phòng chống bệnh cho vật nuôi. Thực hành các qui trình chăn nuôi lợn, bò, gà, vịt, cút tại một số cơ sở chăn nuôi ở địa phương.

**5.40. Thực tập tốt nghiệp** **6TC**

Thực hiện một đề tài về dinh dưỡng, thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm; về công dụng, tác dụng của thuốc điều trị bệnh cho vật nuôi; các phương pháp phòng trị bệnh gia súc, gia cầm...; Đồng thời tham gia các hoạt động phục vụ chăn nuôi, thú y ở địa phương.

Chuyên đề do sinh viên tự chọn theo hướng dẫn của giáo viên, được thực hiện tại các cơ sở kinh doanh thuốc thú y, cơ sở chăn nuôi, cơ quan thú y hoặc tại địa phương của người học.

Sau khi thực tập xong người học phải có một báo cáo thực tập tốt nghiệp tổng kết các kết quả đã làm được và các kiến nghị, đề xuất cho phát triển ngành chăn nuôi thú y địa phương.



## 6. Danh sách đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình

### 6.1. Đội ngũ giảng viên cơ hữu:

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần, môn học dự kiến đảm nhiệm
1	Nguyễn Thị Trang, 1974, Trưởng Bộ môn Nguyên lý cơ bản CN Mác-Lênin	GV	Ths, Việt Nam, 2009	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Giáo dục chính trị 1
2	Đào Văn Phượng, 1979, Giảng viên	GV	TS, Việt Nam, 2018	Kinh tế chính trị	Giáo dục chính trị 1
3	Võ Thị Tem, 1980, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam 2011	Kinh tế chính trị	Giáo dục chính trị 1
4	Trần Văn Tàu, 1975, Trưởng BM Tư tưởng Hồ Chí Minh	GVC, 2011	TS, Việt Nam, 2018	Lịch sử Việt Nam	Giáo dục chính trị 2
5	Nguyễn Phi Phượng, 1975, Trưởng Khoa Khoa Lý luận chính trị	GVC, 2017	Ths, Việt Nam, 2005	Luật hành chính	Pháp luật Pháp luật kinh tế
6	Nguyễn Văn Hoàng, 1967, Giảng viên	GV	Cử nhân, Việt Nam, 2003	Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất 1 Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông)
7	Nguyễn Ngọc Sách, 1968, Giảng viên	GV	Cử nhân, Việt Nam, 1992	Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền)
8	Phan Thị Tuyết Trân, 1977, Giảng viên	GV	Cử nhân, Việt Nam, 1999	Anh văn	Tiếng Anh 1
9	Huỳnh Thị Xuân Hòa, 1975, Viên chức Phòng Đào tạo	GV	Cử nhân, Việt Nam, 2000	Anh văn	Tiếng Anh 2, 3
10	Huỳnh Minh Giảng, 1969, Phó trưởng phòng Khảo thí-ĐBCL	GVC, 2011	Ths, Việt Nam, 2005	Khoa học Máy tính	Tin học đại cương
11	Trường Quân sự Tỉnh Phú Yên				Giáo dục QP-AN
12	Nguyễn Thị Phi Loan, 1969, GD TTUDNNSH	GVC, 2011	TS, Việt Nam, 1999	Sinh học	Vi sinh vật chăn nuôi; Bệnh lý thú y

13	Lê Thị Ngọc Tâm, 1986, Cán bộ TTUDNNSH	GV	Th.s Thú y, Việt Nam, 2011	Thú y	Chăn nuôi lợn; Chăn nuôi trâu bò
14	Võ Thị Thu Em, 1983, Giảng viên	GV	TS, Hàn Quốc, 2017	Khoa học thủy sản	Phương pháp thí nghiệm trong chăn nuôi; Giống vật nuôi và kỹ thuật truyền giống.
15	Nguyễn Thị Hồng Sen, 1993, Nhân viên Khoa Tâm lý giáo dục	GVHD thực hành	Cử nhân, Việt Nam, 2016	Dược Thú y	Thực tập chuyên ngành Thú y; Thực tập chuyên ngành chăn nuôi
16	Trần Thị Thanh Nga, 1981, TBM Chăn nuôi Thú y – Thủy sản	GV	ThS, Việt Nam, 2009	Nuôi trồng thủy sản	Dinh dưỡng động vật; Thức ăn chăn nuôi
17	Nguyễn Thị Thảo Linh, 1989, Viên chức Phòng Đào tạo	GV	ThS, Hàn Quốc, 2015	Công nghệ sinh học ứng dụng	Di truyền ứng dụng trong chăn nuôi; Tiếng anh chuyên ngành;
18	Nguyễn Nữ Quỳnh Đoàn, 1987, Viên chức Phòng CTSV	GV	ThS, Việt Nam, 2012	Kinh tế nông nghiệp	Marketing nông nghiệp; Quản lý trang trại trong chăn nuôi
19	Đỗ Trọng Đăng, 1984, Viên chức Phòng Đào tạo	GV	TS, Việt Nam, 2017	Sinh lý động vật	Sinh lý gia súc; Giải phẫu gia súc
20	Nguyễn Thị Thanh Tâm, 1983, Viên chức Phòng Đào tạo	GV	ThS, Việt Nam, 2017	Môi trường	Vệ sinh chăn nuôi; Bảo quản chế biến sản phẩm chăn nuôi.

### 6.2. Đội ngũ giảng viên thỉnh giảng

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần, môn học dự kiến đảm nhiệm
1	Đình Văn Dũng, 1983, ĐHSPT Huế	GV	TS, Trung Quốc, 2014	Chăn nuôi	Chăn nuôi dê thỏ; Chăn nuôi gia cầm.
2	Nguyễn Thị Hoa Lý, Đại học Huế	GV	TS, Việt Nam, 2005	Chăn nuôi động vật	Kỹ thuật chăm sóc thú cưng; Chăn nuôi động vật hoang dã;
3	Phùng Thăng Long, 1962, TP. Sau đại học- Đại học Huế	GVC, 2003	TS, Nhật Bản, 2006	Chăn nuôi	Chẩn đoán và dịch tễ học; Bệnh sản khoa
4	Nguyễn Văn Hòa, 1982	GV	TS, Hà Lan, 2010	Thú y	Dược thú y; Luật thú y
5	Nguyễn Văn Bả, 1961	GVC, 2003	GS. TS, Việt Nam, 2010	Chăn nuôi	Miễn dịch học thú y; GAHP

## 7. Cơ sở vật chất phục vụ học tập

### 7.1. Các phòng thí nghiệm và hệ thống thiết bị thí nghiệm quan trọng

Số TT	Tên phòng thí nghiệm, xưởng, trạm trại, cơ sở thực hành	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ thí nghiệm, thực hành		
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ môn học /học phần
1.	Phòng thực hành	100	Kính hiển vi	3	Vi sinh vật chăn nuôi
2.			Tủ lạnh	1	Vi sinh vật chăn nuôi
3.			Panh cái loại	15	Giải phẫu gia súc; Chăn nuôi lợn; Chăn nuôi gia cầm; Chăn nuôi trâu bò
4.			Kéo các loại	10	Giải phẫu gia súc; Chăn nuôi lợn; Chăn nuôi gia cầm; Chăn nuôi trâu bò
5.			Xi lanh sát 20ml	10	Chăn nuôi lợn; Chăn nuôi gia cầm; Chăn nuôi trâu bò; Chăn nuôi dê thỏ; chăn nuôi động vật hoang dã; Kỹ thuật chăm sóc thú cưng
6.			Bộ tiêu phẫu	01	Giải phẫu gia súc
7.			Bộ đại phẫu	01	Giải phẫu gia súc
8.			Nhiệt kế	15	Chăn nuôi dê thỏ; chăn nuôi động vật hoang dã; Kỹ thuật chăm sóc thú cưng, Bệnh lý thú y
9.			Súng bắn tinh bò	10	Giống vật nuôi và kỹ thuật truyền giống gia súc
10.			Kim bấm thẻ tai bò	02	Chăn nuôi trâu bò; chăn nuôi lợn; chăn nuôi động vật hoang dã
11.			Kim thiên bò dạng bấm	02	Kiểm tra súc sản; Giải phẫu gia súc
12.			Kim bấm răng nanh heo	02	Chăn nuôi lợn
13.			Dụng cụ bắt heo	01	Chăn nuôi lợn
14.			Bóc thụt rửa tử cung	06	Giống vật nuôi và kỹ thuật truyền giống gia súc
15.			Ống nghe	05	Giống vật nuôi và kỹ thuật truyền giống gia súc
16.			Máy đo huyết áp	02	Chăn nuôi lợn; Chăn nuôi trâu bò
17.			Máy đảo thức ăn	01	Dinh dưỡng động vật; Thức ăn chăn nuôi

## 7.2. Thư viện

- Tổng diện tích thư viện: 1236 m<sup>2</sup> trong đó diện tích phòng đọc: 512 m<sup>2</sup>

- Số chỗ ngồi: 200; Số lượng máy tính phục vụ tra cứu: 46.

- Phần mềm quản lý thư viện: Phần mềm quản lý tích hợp Libol 5.5 .

- Thư viện điện tử: có; đã kết nối được với một số trường đại học trong nước, nhất là trong liên hiệp các trường đại học phía Nam.

Ngoài nước: kết nối qua giao thức Z39.50. Sắp đến sẽ mua một số tài khoản truy cập vào mạng thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

## 7.3. Danh mục giáo trình tham khảo của ngành đào tạo

TT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm XB	Số bản	Sử dụng cho môn học/học phần
1	Giáo trình Chính trị	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Lao động - Xã hội	2018		Giáo dục Chính trị 1
2	Giáo trình Chính trị	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Lao động - Xã hội	2018		Giáo dục Chính trị 2
3	Giáo trình Pháp luật	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Lao động - Xã hội	2016		Pháp luật
4	Giáo trình Điền kinh	Nguyễn Kim Minh (Chủ biên)	Đại học Sư phạm Hà Nội	2004		Giáo dục thể chất 1
5	Giáo trình Bóng chuyền	Nguyễn Việt Minh, Hồ Đắc Sơn	Đại học Sư phạm	2004		Giáo dục thể chất 2
6	Giáo trình Cầu lông	Nguyễn Trọng Hải – Đào Chí Thành	Đại học Sư phạm	2004		Giáo dục thể chất 3
7	- <i>New English File</i> , Elementary Student's Book, - <i>New English File</i> Elementary, Workbook, Oxford University Press	Clive Oxenden, Christina Lalham - Koenig, Paul Seligson	Oxford University Press.	2004		Tiếng Anh 1, 2
8	[1]. <i>Giáo trình tin học đại cương</i> [2]. <i>Tin học văn phòng Microsoft Office</i>	Nhóm tác giả trường Đại học Kinh tế TP. HCM Phạm Phương Hoa, Phạm Quang Hiển	Lao động – Xã hội Thời Đại	2012 2014		Tin học đại cương

9	Di truyền học	Nguyễn Sỹ Mai	Giáo Dục	1998	10	Di truyền ứng dụng trong chăn nuôi
10	Giải phẫu gia súc	PGS.TS Hoàng Quân	ĐHNL Huế	2002	5	Giải phẫu GS
11	Sinh lý gia súc	PGS.TS Đàm Văn Tiện, Lê Văn Thọ	Nông Nghiệp	1992	5	Sinh lý gia súc
12	Vi sinh vật chăn nuôi	TS. Phạm Hồng Sơn	ĐHNL Huế	2006	5	VSV chăn nuôi
13	Dinh dưỡng và thức ăn chăn nuôi	Võ Duy Giảng	Đại học Sư phạm	2007		Dinh dưỡng động vật
14	Dược lý thú y	ThS. Huỳnh Kim Diệu	ĐHCần Thơ	2000	15	Dược lý thú y
15	Giáo trình Miễn dịch học Thú y	Nguyễn Bá Hiên	Nông Nghiệp	2010	10	Miễn dịch học thú y
16	Phòng và trị bệnh thường gặp ở gia súc	Nguyễn Văn Thanh	Nông Nghiệp	2003		Bệnh lý thú y
17	Thống kê sinh học và phương pháp thí nghiệm	TS. Nguyễn Minh Hoàn	ĐHNL Huế	2005	5	Phương pháp thí nghiệm trong Chăn nuôi
18	Chọn giống và nhân giống gia súc	TS. Nguyễn Hải Quân	ĐH Cần Thơ	2006	15	Giống vật nuôi và kỹ thuật truyền giống gia súc
19	Giáo trình Vệ sinh chăn nuôi	GS. Đỗ Ngọc Hòe	Hà Nội	2010		Vệ sinh chăn nuôi
20	Kỹ thuật tạo nguồn TA cho gia súc	Đào Huyền	Nông Nghiệp	2005		Thức ăn chăn nuôi
21	Chăn nuôi trâu bò	TS. Nguyễn Xuân Bả	ĐHNL Huế	2004		CN trâu bò
22	Chăn nuôi gia cầm	PGS.TS Nguyễn Đức Hưng	Nông Nghiệp	2006		Chăn nuôi gia cầm
23	Chăn nuôi lợn	PGS. TS Phùng Thăng Long, Nguyễn Quang Linh	Nông Nghiệp	2005		Chăn nuôi lợn
24	Giáo trình dịch tễ thú y chuyên biệt	Nguyễn Lương	ĐHNL, TPHCM	1997		Chẩn đoán và dịch tễ học
25	Kiểm tra chất lượng thực phẩm	Phạm Xuân Vượng	Nông Nghiệp	2004	10	Bảo quản và chế biến sản phẩm chăn nuôi
26	Tổ chức quản lý ngành nông nghiệp	Nguyễn Văn Hòa	Nông Nghiệp	2000	5	Quản lý trang trại trong chăn nuôi
27	Bệnh Sản khoa	Lăng Ngọc Huỳnh	Nông Nghiệp I	2000	15	Bệnh sản khoa
28	Kỹ thuật nuôi chó mèo và phòng trị bệnh thường gặp	Tô Du; Xuân Giao	Lao động – Nông nghiệp			Kỹ thuật chăm sóc thú cưng
29	Pháp lệnh thú y	Huỳnh Văn Kháng	Nông Nghiệp	2006	15	Luật thú y
30	Kỹ thuật chăm sóc thỏ	Hoàng T. Xuân Mai	Nông Nghiệp	2005	10	Chăn nuôi dê, thỏ

31	Kỹ thuật chăn nuôi một số động vật quý hiếm	Lê Thị Biên	Lao động – Xã hội	2006		Chăn nuôi động vật hoang dã
32	Introduction to Animal Science Global, Biological	Stephen DamronW	International Edition	2008		Tiếng anh chuyên ngành CNTY
33	Sổ tay Hướng dẫn áp dụng Vietgahp/gmps	Boulianne Martine	Dự án xây dựng và kiểm soát chất lượng nông sản thực phẩm	2013	5	Thực hành chăn nuôi tốt GAHP
34	Giáo trình Marketing Nông nghiệp	GS.Nguyễn Nguyên Cự; Hoàng Ngọc Bích; Đặng Văn Tiên; Đỗ Hoàng Sương	Đại học Nông nghiệp Hà Nội	2008		Marketing nông nghiệp

#### 7.4. Danh mục tài liệu tham khảo của ngành đào tạo:

T T	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm XB	Số bản	Sử dụng cho môn học/học phần
1	Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị quốc gia	2016		Chính trị 1
2	Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị quốc gia	2016		Chính trị 2
3	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị quốc gia	2016		Chính trị 2
4	Pháp luật đại cương	Lê Minh Toàn	Chính trị Quốc gia	2012		Pháp luật
5	- Luật bóng chuyền - Giảng dạy kỹ thuật bóng chuyền - Huấn luyện kỹ - chiến thuật Cầu lông hiện đại	Nguyễn Việt Minh, Hồ Đắc Sơn Nguyễn Hạc Thúy	- Đại học Sư phạm Thể dục thể thao	2004 1995 2001		Giáo dục thể chất 2
6	Luật Điền kinh		Thể dục thể thao	1997		Giáo dục thể chất 1
7	- English Knowhow 1 - Elementary - New Headway English Course, Elementary	Therese Naber & Angela Blackwell John and Liz Soars	Oxford University Press	2005 2007		Tiếng Anh 1, 2

8	Dinh dưỡng và thức ăn vật nuôi	TS. Tôn Thất Sơn, Lưu Hữu Mạnh	ĐH Cần Thơ	2006		Dinh dưỡng và TACN
9	Dinh dưỡng và thức ăn vật nuôi	PGS.TS Lê Đức Ngoan	ĐHNL Huế	2006		Dinh dưỡng và TACN
10	Sinh lý gia súc	PGS.TS Đàm Văn Tiệp, Lê Văn Thọ	Nông Nghiệp	1992	5	Sinh lý gia súc
11	Giải phẫu sinh lý động vật nuôi	Nguyễn Thị Thành	Nông Nghiệp	2012		Sinh lý gia súc Giải phẫu gia súc
12	Giải phẫu gia súc	PGS.TS Hoàng Quân	Nông Lâm Huế	2002	5	Giải phẫu GS
13	Giải phẫu, sinh lý GS	TS. Nguyễn Nhung	Nông Nghiệp	2007	5	GPSL gia súc
14	Vi sinh vật đại cương	TS. Phạm Văn Kim	Đại Học Cần Thơ	2000	6	Vi sinh vật
15	Thống kê sinh học và phương pháp thí nghiệm	TS. Nguyễn Minh Hoàn	Nông Lâm Huế	2005	5	PP thí nghiệm nông nghiệp
16	Thống kê thí nghiệm	ThS. Nguyễn Thông	Đại Học Cần Thơ	2000	6	PP thí nghiệm nông nghiệp
17	Dược lý thú y	ThS. Huỳnh Kim Diệu	Đại Học Cần Thơ	2000	15	Thuốc thú y
18	Thuốc kháng sinh và nguyên tắc sử dụng trong chăn nuôi	Bùi Thị Tho	Nông Nghiệp	2005	10	Thuốc thú y
19	Thuốc thú y và cách sử dụng	TS.BS Nguyễn Đức Lưu, Nguyễn Hữu Vũ	Nông Nghiệp	2000	15	Thuốc thú y
20	Ký sinh trùng gia súc	Bộ môn KST	Nông Nghiệp I	1998	15	Bệnh kí sinh trùng
21	Bệnh KST thú y	Phạm Lục	Nông Nghiệp I	2005	10	Bệnh kí sinh trùng
23	Ngoại khoa thú y	Huỳnh Văn Kháng	Nông Nghiệp I	2006	15	Bệnh N-N-S khoa
24	Các văn bản phòng chống dịch	Nhà nước ban hành	Nông Nghiệp	2005	10	Bệnh truyền nhiễm
26	Bệnh mới của lợn	Phạm Sỹ Lăng	Nông Nghiệp	2006	10	Bệnh truyền nhiễm Bệnh N-N-S khoa
27	Chọn giống và nhân giống gia súc	TS. Nguyễn Hải Quân	Đại Học Cần Thơ	2006	15	Chọn giống và nhân giống vật nuôi
28	Dinh dưỡng và thức ăn chăn nuôi	Võ Duy Giảng	Đại học Sư phạm	2007		Dinh dưỡng động vật Thức ăn chăn nuôi
29	Giống vật nuôi	PGS.TS. Đặng Vũ Bình	Nông Nghiệp	2006	15	Giống vật nuôi và kỹ thuật truyền giống gia súc;
30	Kỹ thuật tạo nguồn TA cho gia súc	Đào Huyền	Nông Nghiệp	2005	5	Dinh dưỡng và TACN
31	Chăn nuôi gia súc nhai lại	TS. Nguyễn Văn Thu	Đại Học Cần Thơ	2000	7	Chăn nuôi trâu bò

						Chăn nuôi dê, thỏ
32	Nuôi trâu bò gia đình	Tô Du	Nông Nghiệp	2001	10	Chăn nuôi trâu bò
33	Chăn nuôi trâu bò	Vũ Chí Cương	Nông Nghiệp	2004	5	Chăn nuôi trâu bò
35	Chăn nuôi gia cầm	PGS.TS Nguyễn Đức Hưng	Nông Nghiệp	2006	10	Chăn nuôi gia cầm
36	KT nuôi gà chăn nuôi lông màu thả vườn và phòng trị bệnh	Lê Hồng Mận	Nông Nghiệp	2004	10	Chăn nuôi gia cầm
37	Kỹ thuật nuôi thỏ	Chu Thị Thơm	Nông Nghiệp	2004	15	Chăn nuôi thỏ
38	Nuôi bò thịt	Lê Hồng Mận	Nông Nghiệp	2004	5	Chăn nuôi bò
39	Kiểm tra chất lượng thực phẩm	Phạm Xuân Vượng	Nông Nghiệp	2004	10	Bảo quản và chế biến nông sản
40	Thụ tinh nhân tạo cho gia súc, gia cầm	Nguyễn Tấn Anh	Nông Nghiệp	2004	10	Chọn và nhân giống vật nuôi
41	Pháp lệnh thú y	Huỳnh Văn Kháng	Nông Nghiệp	2006	15	Pháp lệnh nông nghiệp
42	Tổ chức quản lý ngành nông nghiệp	Nguyễn Văn Hòa	Nông Nghiệp	2000	5	Tổ chức quản lý nông trại
43	Kỹ thuật sản xuất giống cá nuôi	Nguyễn Tường Anh	Nông Nghiệp	1999	10	KT sản xuất và nuôi giáp xác
44	Dinh dưỡng và thức ăn vật nuôi	TS. Tôn Thất Sơn, Lưu Hữu Mãnh	ĐH Cần Thơ	2006		Dinh dưỡng và thức ăn chăn nuôi
45	Chọn giống và nhân giống gia súc	TS. Dương Đình Hùng	Nông nghiệp I	2004		Chọn và nhân giống vật nuôi
46	Dinh dưỡng và thức ăn vật nuôi	TS. Tôn Thất Sơn, Lưu Hữu Mãnh	ĐH Cần Thơ	2006		Dinh dưỡng động vật Thức ăn chăn nuôi
47	Dinh dưỡng và thức ăn vật nuôi	PGS.TS Lê Đức Ngoan	ĐHNL Huế	2006		Dinh dưỡng động vật Thức ăn chăn nuôi
48	Giống vật nuôi	PGS.TS. Đặng Vũ Bình	Nông Nghiệp	2006		Chọn và nhân giống vật nuôi
49	Kỹ thuật tạo nguồn thức ăn cho gia súc	Đào Huyền	Nông Nghiệp	2005		Dinh dưỡng động vật Thức ăn chăn nuôi
50	Chăn nuôi trâu bò	TS. Nguyễn Văn Thu	ĐH Cần Thơ	2000		Chăn nuôi trâu bò
51	Chăn nuôi trâu bò	Vũ Chí Cương	Nông Nghiệp	2004		Chăn nuôi trâu bò
52	Chăn nuôi lợn	Vũ Đình Tôn	Nông Nghiệp	2005		Chăn nuôi lợn
53	Kỹ thuật mới về CNL ở nông hộ, trang trại và phòng trị bệnh	Lê Đình Mận	Nông Nghiệp	2005		Chăn nuôi lợn
54	Chăn nuôi gia cầm	PGS.TS Nguyễn Đức Hưng	Nông Nghiệp	2006		Chăn nuôi gia cầm



55	Chăn nuôi gia cầm	Dương Thanh Liêm	Nông Nghiệp	2005		Chăn nuôi gia cầm
57	Cầm nang CNGS-GC	Hội CN Việt Nam	Nông Nghiệp	2004		Chăn nuôi gia cầm
58	Chăn nuôi dê	TS. Hồ Quảng Đồ	ĐH Cần Thơ	2000		Chăn nuôi dê
59	Kỹ thuật chăn nuôi dê	Đinh Văn Bình	Nông Nghiệp	2004	15	Chăn nuôi dê
60	Hướng dẫn KTCN dê	Lê Quang Súc	Nông Nghiệp	2004	10	Chăn nuôi dê
61	Kỹ thuật nuôi thỏ	Chu Thị Thơm	Nông Nghiệp	2004	15	Chăn nuôi thỏ
62	Kỹ thuật chăm sóc thỏ	Hoàng T. Xuân Mai	Nông Nghiệp	2005	10	Chăn nuôi thỏ
63	Nuôi bò thịt	Lê Hồng Mận	Nông Nghiệp	2004	5	Chăn nuôi bò
65	Kiểm tra chất lượng thực phẩm	Phạm Xuân Vượng	Nông Nghiệp	2004	10	Bảo quản và chế biến nông sản
66	Thụ tinh nhân tạo cho gia súc, gia cầm	Nguyễn Tấn Anh	Nông Nghiệp	2004	10	Chọn và nhân giống vật nuôi
67	Pháp lệnh thú y và kiểm nghiệm SPCN	Ngô Thị Hòa	Nông Nghiệp	2006	5	Luật thú y
68	Công nghệ chăn nuôi	Đặng Vũ Bình	Nông Nghiệp	2006	3	Bảo quản và chế biến nông sản
69	Công nghệ cấy truyền phôi gia súc	PGS.TS Hoàng Kim Giao	Khoa học kỹ thuật	2004	3	Chọn và nhân giống vật nuôi
71	Giải phẫu gia súc	PGS.TS Hoàng Quân	ĐHNL Huế	2002	5	Giải phẫu gia súc
71	Giải phẫu, sinh lý gia súc	TS. Nguyễn Nhung	Nông Nghiệp	2007	5	GPSL gia súc
72	Vi sinh vật thú y	Trần Thị Bích Liên, Lê Anh Phụng	ĐHNLTPHCM	2001	10	VSV đại cương
73	Vi sinh vật đại cương	TS. Phạm Văn Kim	ĐH Cần Thơ	2000	6	Vi sinh vật đại cương
74	Thống kê sinh học và PP thí nghiệm	TS. Nguyễn Minh Hoàn	ĐHNL Huế	2005	5	PP thí nghiệm trong chăn nuôi
75	Thống kê thí nghiệm	ThS. Nguyễn Thông	ĐH Cần Thơ	2000	6	Phương pháp thí nghiệm trong chăn nuôi
76	Dược thú y	Trần Văn Thuận	ĐHNLTPHCM	1997	5	Thuốc thú y
77	Thuốc điều trị và vaccine	Phạm Sỹ Lăng, Lê Thị Tài	Nông Nghiệp	1994	15	Thuốc thú y
78	Thuốc kháng sinh và nguyên tắc sử dụng trong chăn nuôi	Bùi Thị Tho	Nông Nghiệp	2005	10	Dược lý thú y
79	Ký sinh trùng gia súc	Bộ môn KST	Nông Nghiệp I	1998	15	Bệnh kí sinh trùng
80	Bệnh Sản khoa	Lăng Ngọc Huỳnh	ĐH Cần Thơ	2000	15	Bệnh nội – ngoại – sản khoa
81	Ngoại khoa thú y	Huỳnh Văn Kháng	ĐH Cần Thơ	2006	15	Bệnh nội – ngoại – sản khoa
82	Dịch tễ học	TS. Trần Thị Dân	Nông Nghiệp	2005	10	Bệnh truyền nhiễm

83	Cẩm nang CNGS-GC	Hội CN Việt Nam	Nông Nghiệp	2004	20	Chăn nuôi gia cầm
84	Chăn nuôi dê	TS. Hồ Quảng Đồ	ĐH Cần Thơ	2000	10	Chăn nuôi dê
85	Kỹ thuật chăn nuôi dê	Đình Văn Bình	Nông Nghiệp	2004	15	Chăn nuôi dê

## **8. Hướng dẫn sử dụng chương trình**

### **8.1. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa**

- Chương trình đào tạo ngành Chăn nuôi (chuyên ngành Chăn nuôi - thú y), trình độ cao đẳng được soạn thảo theo Thông tư số 03/2017/BLĐTBXH ngày 01 tháng 03 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội "Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng".

- Chương trình có tổng số 96 tín chỉ, đào tạo trong 3 năm; được phân bố trong 6 học kỳ.

- Kế hoạch đào tạo cho các học kỳ được xây dựng có tính chất định hướng (dự kiến), thứ tự đó có thể thay đổi được nếu không vi phạm các yêu cầu đã đề xuất và điều kiện tiên quyết trong chương trình chi tiết. Trên cơ sở khung thời gian, chương trình đào tạo và cơ sở vật chất phục vụ do nhà trường quy định, sinh viên sẽ đăng ký học các học phần bắt buộc và tự chọn riêng cho mình, xây dựng cho mình một kế hoạch học tập theo sự tư vấn của cố vấn học tập.

- Việc đánh giá kết quả người học, học theo tiến độ nhanh, tiến độ chậm; học cùng lúc hai chương trình; chuyển trường; xét tốt nghiệp... của chương trình được thực hiện theo Quyết định số 480/QĐ-ĐHPY ngày 05 tháng 9 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phú Yên Quy định về việc ban hành Quy chế học vụ trình độ đại học, cao đẳng hệ chính quy ngoài sự phạm theo hệ thống tín chỉ.

- Hoạt động ngoại khóa của sinh viên thông qua kế hoạch dạy - học, kế hoạch công tác tư tưởng chính trị và văn - thể - mỹ. Hàng năm, nhà trường xác định nhiệm vụ tổ chức hoạt động ngoại khóa cho sinh viên trong từng thời gian cụ thể của năm học. Nhà trường, Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên và Khoa chuyên môn có kế hoạch tổ chức hoạt động ngoại khóa cho sinh viên theo yêu cầu của xã hội, Ban cán sự lớp có trách nhiệm chính trong việc tổ chức lớp sinh viên thực hiện hoạt động ngoại khóa theo kế hoạch của nhà trường và của khoa.

### **8.2. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học.**

Thời gian tổ chức thi, kiểm tra hết môn học, mô đun được thực hiện theo kế hoạch chung của toàn trường đối với mỗi học kỳ cụ thể.

### **8.3. Hướng dẫn thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp**

Chương trình được đào tạo theo phương thức tích lũy tín chỉ:

- Người học phải học hết chương trình đào tạo và phải tích lũy đủ 96 tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo.

- Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả tích lũy của người học và kết quả xét công nhận tốt nghiệp để quyết định việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp cho người học theo quy định của nhà trường.

KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG  
TRƯỜNG  
ĐẠI HỌC  
PHÚ YÊN



26

*TS. Nguyễn Đình*